TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2018/DS-ST

Ngày: 30/11/2018

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Lương Thị Trúc.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tiến Long - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2017/TLST-DS ngày 30/10/2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 500/2018/QĐXXST-DS ngày 01/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Đường N, phường T, Quận B, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu P – Giám đốc Trung tâm thẻ Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Chung cư T, phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Ông Lê Văn G, sinh năm: 1977– Chức vụ: Nhân viên Ngân hàng TMCP S. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Trần Đỗ Toàn K – Sinh năm: 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường P, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa - Người được ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S là ông Lê Văn G trình bày:

Ngày 29/10/2010, ông K có ký với Ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông K, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông K đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.282.870 đồng, nhưng không thực hiện đầy đủ các quy định về điều khoản thanh toán khi sử dụng thẻ dẫn đến vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, qua nhiều lần nhắc nhở nhưng ông K vẫn không có thiện chí trả nợ nên kể từ ngày 16/6/2014, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Kể từ đó tính đến ngày 06/11/2018 ông K còn lại số dư nợ là 20.346.218 đồng (Trong đó: số nợ gốc 8.021.082 đồng và lãi quá hạn 12.325.136 đồng). Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông K, yêu cầu ông K có trách nhiệm thanh toán khoản nợ quá hạn đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông K trả nợ, nhưng ông K vẫn không thực hiện việc trả nợ nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông K đến Tòa án.

Đối với ý kiến của ông K về số tiền 5.000đồng giao dịch vào ngày 15/3/2011 Ngân hàng xác định đây là tiền phí tin nhắn SMS. Việc ông K đưa ra lý do ông K không giao dịch và không sử dụng số tiền 5.000 đồng này là để kéo dài thời gian và không có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đỗ Toàn K phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 20.346.218 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 8.021.082 đồng; nợ lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 12.325.218 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 07/11/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất cam kết trong Hợp đồng.

Quá trình tham gia tố tụng-bị đơn ông Trần Đỗ Toàn K trình bày:

Ngày 29/10/2010, ông được Ngân hàng TMCP S cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ ông K đã thực hiện giao dịch và thực hiện nghĩa vụ đóng lãi hàng tháng cho ngân hàng. Ông K thực hiện nghĩa vụ đóng trả lãi cho thẻ tín dụng mà ngân hàng cấp cho ông hàng tháng đầy đủ. Tới năm 2014 thì ông K phát hiện số tiền mà ông đã trả cho ngân hàng vẫn còn y nguyên, không giảm. Ông có phản ánh đến nhân viên giao dịch ngân hàng thì nhân viên nói vấn đề tính lãi là do hội sở tính, ông K không đồng ý với cách đối xử với khách hàng như vậy vì vậy ông không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho ngân hàng nữa. Ông K yêu cầu Ngân hàng sao kê các khoản tiền mà ông đã sử dụng, đặc biệt là số tiền 5.000 đồng giao dịch vào ngày

15/3/2011. Chứng minh số tiền 5.000 đồng ông K đã rút và sử dụng như thế nào vì ông không thể rút và sử dụng số tiền đó được. Sau khi Ngân hàng chứng minh, sao kê các khoản tiền mà ông K đã sử dụng thì ông mới tiếp tục làm việc.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 19.808.338 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 8.021.082 đồng; nợ lãi quá hạn: 11.787.256 đồng (Tiền lãi tạm tính đến ngày: 27/8/2018) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 28/8/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất cam kết trong Hợp đồng thì ông K không đồng ý.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Trần Đỗ Toàn K vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không chấp hành pháp luật vi phạm Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471, Điều 474 BLDS 2005; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Trần Đỗ Toàn K trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 20.346.218 đồng (trong đó tiền gốc: 8.021.082 đồng, tiền lãi và phí đến ngày 06/11/2018 là 12.325.136 đồng đồng) và các khoản lãi, phí phạt phát sinh từ ngày 07/11/2018 cho đến khi trả hết nợ gốc.

Về án phí: Ông Trần Văn Đỗ Toàn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án "Kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Đỗ Toàn K vắng mặt là lần thứ hai nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đều xác định ngày 29/10/2010 ông Trần Đỗ Toàn K có ký với ngân hàng TMCP S hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Xét quan hệ pháp luật dân sự giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 471 BLDS và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng. Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông K đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 22.282.870 đồng. Còn lại số dư nợ gốc là 8.021.082 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 12.325.136 đồng. Mặc dù, đã được Ngân hàng đốc thúc nhiều lần nhưng ông K vẫn chưa thực hiện thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng bị đơn ông K đã không thực hiện việc trả nợ như cam kết là vi phạm hợp đồng. Nên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K phải trả tổng số tiền: 20.346.218 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 8.021.082 đồng; nợ lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 12.325.218 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 07/11/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất cam kết trong Hợp đồng là có cơ sở, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Đỗ Toàn K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 20.346.218 đồng x 5% = 1.017.000 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ- UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Trần Đỗ Toàn K phải trả tổng số tiền: 20.346.218 đồng (Trong đó: Nợ gốc: 8.021.082 đồng; nợ lãi tính đến ngày 06/11/2018 là 12.325.218 đồng) và toàn bộ các khoản lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo hợp đồng tín dụng thẻ kể từ ngày 07/11/2018 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Ông Trần Đỗ Toàn K phải nộp 1.017.000 đồng án phí DSST. Ngân hàng TMCP S được nhận lại 382.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2014/0041613 ngày 23/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự

thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS thành phố.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lương Thị Trúc